

Bản án số: 23/2017/DSST

Ngày: 07/8/2017

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Bình

2. Bà Lê Thị Thu Nga

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Nguyễn Thị Hạnh – Cán bộ
Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 07 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 53/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2017/QĐST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Việt Nam T. Địa chỉ: Tầng 1-7, tòa nhà thủ đô, số 72, phố Trần Hưng Đ, phường Trần Hưng Đ1, Quận H, TP Hà Nội. Người đại diện: Bà Lê Hiền T. Chức vụ: Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế cho phòng an ninh và phòng kiểm soát gian lận, phòng thu hồi nợ pháp lý, trung tâm thu hồi nợ-khoản tín dụng tiêu dùng theo văn bản ủy quyền số 06/2017/UQ-CT ngày 08/02/2017 của chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Việt Nam T. Bà T ủy quyền lại cho bà Võ Thị L. Sinh năm 1993; Trú tại: 77 Tiểu L, phường H, Quận H, TP Đà Nẵng theo văn bản ủy quyền số 154/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 20/03/2017. Có mặt

- *Bị đơn:* Bà Mai Thị T - sinh năm: 1965 - Hộ khẩu thường trú: tổ 4 phường A, quận S, Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 21/3/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị L trình bày:* Ngày 23/08/2013, Bà Mai Thị T có ký hợp đồng tín dụng số 20130914-142010-0004 với Ngân hàng TMCP Việt Nam T vay số tiền 46,000,000 đồng (Bốn mươi sáu

triệu đồng chẵn) với lãi suất 2.5%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, Bà Mai Thị T có trách nhiệm thanh toán số tiền là 70.295.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm trong 36 tháng. Trong đó: Số nợ gốc: 46.000.000 đồng, Số nợ lãi: 24.295.000 đồng. Theo thỏa thuận, 35 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.953.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.940.000 đồng. Thanh toán vào ngày 16 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 16/10/2013.

Thực hiện hợp đồng, bà T đã nhận đủ số tiền vay để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Ngân hàng 19 lần với số tiền 44.466.000 đồng. Trong đó: Số nợ gốc: 26.587.632 đồng, Số nợ lãi: 17.878.368 đồng. Kể từ ngày 06/02/2017, Bà T không thanh toán thêm bất kì khoản nào, dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Trong quá trình Tòa án thụ lý hồ sơ bà T có trả số tiền: Ngày 27/03/2017, thanh toán số tiền là 1.953.000 đồng. Ngày 31/5/2017, bà T trả 1.500.000 đồng. Hiện nay số nợ còn lại của bà T là: Nợ gốc: 13.959.368 đồng, Nợ lãi: 6.416.632 đồng. Tổng cộng gốc và lãi: 20.376.000 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu bà T trả 1 lần toàn bộ khoản nợ trên và không yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày xét xử trở về sau.

Bị đơn: Bà Mai Thị T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà T trình bày: Vào ngày 23/8/2013, bà T xác nhận có vay Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 46.000.000 đồng lãi suất 2,5%/tháng số tiền trên được trả chậm trong vòng 36 tháng mỗi tháng trả 1.953.000 đồng bắt đầu trả từ ngày 16/3/2013. Trong quá trình vay bà đã trả được 19 lần. Đến năm 2016 bà bị tai nạn không có việc làm nên không có tiền trả cho Ngân hàng. Nay bà xác nhận với Ngân hàng bà còn nợ số tiền nợ gốc: 13.959.368 đồng, nợ lãi: 6.416.632 đồng. Tổng cộng gốc và lãi: 20.376.000 đồng. Do khó khăn về kinh tế nên bà xin trả dần mỗi tháng 1.953.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định: Ngày 23/08/2013, bà Mai Thị T có ký hợp đồng tín dụng số 20130914-142010-0004 với Ngân hàng TMCP Việt Nam T vay số tiền 46.000.000 đồng với lãi suất 2.5%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Thời hạn vay: 36 tháng. Phương thức vay: trả góp. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, bà Mai Thị T có trách nhiệm thanh toán số tiền là 70.295.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm trong 36 tháng. Trong đó: Số nợ gốc: 46.000.000 đồng, số nợ lãi: 24.295.000 đồng. Theo thỏa thuận, 35 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.953.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.940.000 đồng. Thanh toán vào ngày 16 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 16/10/2013. Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền vay để tiêu dùng cá nhân và bà T đã thanh toán cho Ngân hàng 19 lần với số tiền 44.466.000 đồng. Trong đó: Số nợ gốc: 26.587.632 đồng, Số nợ lãi: 17.878.368

đồng. Kể từ ngày 06/02/2017, bà T không thanh toán thêm bất kì khoản nào, dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Quá trình Tòa án tiến hành giải quyết bà T đã trả thêm cho Ngân hàng số tiền: 5.453.000 đồng.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Mai Thị T trả toàn bộ khoản nợ gốc: 13.959.368 đồng, nợ lãi: 6.416.632 đồng. Tổng cộng gốc và lãi: 20.376.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng số 20130914-142010-0004 ngày 23/8/2013 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T với bà Mai Thị T trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Mai Thị T đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả lãi và gốc, vi phạm định kỳ trả nợ, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Phía Ngân hàng đã nhiều lần làm việc để yêu cầu bà T trả nợ nhưng đến nay bà T vẫn không trả được nợ. Về phía bà T đồng ý trả nợ cho Ngân hàng với số tiền trên, nhưng do khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 1.953.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng tín dụng đồng thời việc yêu cầu trả dần của bà T hoàn toàn không có thiện chí, chây ỳ trong việc trả nợ. Do đó, việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T yêu cầu Tòa án buộc bà Mai Thị T phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 290, 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên cần buộc bà T phải có nghĩa vụ trả nợ cho một lần cho Ngân hàng số tiền nợ gốc: 13.959.368 đồng, nợ lãi: 6.416.632 đồng. Tổng cộng gốc và lãi: 20.376.000 đồng. Ngân hàng không yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày xét xử trở về sau nên không xét đến.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Mai Thị T phải chịu theo quy định pháp luật do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 290, 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng TMCP Việt Nam T đối với bà Mai Thị T.

Xử:

1. Buộc bà Mai Thị T phải trả 1 lần cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền nợ gốc: 13.959.368 đồng, nợ lãi: 6.416.632 đồng. Tổng cộng gốc và lãi: 20.376.000 đồng.

2. Án phí DSST: 1.018.800 đồng bà Mai Thị T phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 645.725 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 01663 ngày 12/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận S , thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 07/8/2017.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- VKSND quận S ;
- Chi cục THADS quận S ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bé